

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CT
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **146/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 22/3/2019
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Văn Bé

Ông Nguyễn Văn Quang

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 22 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 834/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số /QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Đỗ Thị Yến P, sinh năm: 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã A, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

2/ Bị đơn: Nguyễn Văn H, sinh năm: 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã A, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/11/2018 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Đỗ Thị Yến P trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn H cưới nhau vào ngày 09/10/1989. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn do ông H thường hay ăn nhậu về đánh và chửi bà. Sự việc diễn ra thường xuyên nên bà không chịu đựng được nữa và bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ giữa năm 2017 đến nay, vợ chồng cũng sống ly thân nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về quan hệ hôn nhân: cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

-Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 25/4/1989 và Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 03/3/1993, con đã trưởng thành.

-Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về nợ chung: Không có

Ông Nguyễn Văn H đã được tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như các văn bản tố tụng khác nhưng không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà P.

Tại phiên tòa, bà P vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn. Ông H vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Ông Nguyễn Văn H được triệu tập dự phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Đỗ Thị Yến P và ông Nguyễn Văn H cưới nhau năm 1989. Bà P trình bày là không có đi đăng ký kết hôn, ông H có viết tờ khai đăng ký kết hôn nhưng không có nộp cho UBND xã và cả hai cũng không có ký tên.

Xét, theo tờ khai đăng ký kết hôn bà P cung cấp cho Tòa án thì chỉ thể hiện các thông tin của bà P và ông H theo mẫu tờ khai chứ ông bà không có ký tên vào. Theo quy định pháp luật thì việc đăng ký kết hôn sẽ do UBND xã thực hiện và cấp giấy chứng nhận kết hôn nhưng bà P và ông H không thực hiện việc nộp tờ khai và đi đăng ký kết hôn nên không được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Như vậy, hôn nhân của ông bà là không hợp pháp.

Theo bà P trình bày tại phiên tòa thì sau cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, thỉnh thoảng có mâu thuẫn nhưng hòa giải được. Đến năm 2017 thì mâu thuẫn trầm trọng hơn, nguyên nhân là do ông H thường xuyên ăn nhậu rồi về nhà đánh đập và chửi bà, không ai trong gia đình khuyên can được. Kéo dài đến giữa năm 2017 mà ông H không thay đổi, không thể chịu đựng được nên bà đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống và ly thân với ông H cho đến nay.

Xét thấy, bà P và ông H chung sống với nhau như vợ chồng, đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn, sau khi về chung sống ông bà cũng không đi đăng ký kết hôn cho đến nay, vì vậy việc sống chung của ông bà không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay bà P xin ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ giữa bà P và ông H là vợ chồng

[3] *Về con chung*: có 02 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 25/4/1989 và Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 03/3/1993 đã trưởng thành.

[4] *Về tài sản*: Bà P trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ giữa bà Đỗ Thị Yến P và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng.

2. *Về con chung*: có 02 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 25/4/1989 và Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 03/3/1993 đã trưởng thành

3. *Về án phí*: Bà P chịu là 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng tại biên lai số 0009174 ngày 24/12/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tiền Giang xem như đã nộp xong án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: Bà P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện CT;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Bảnh